TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIÊT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Hưng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Quách Hữu Điệp**

2. Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Hải Phú** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18a/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1988. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Anh **Đinh Văn L,** sinh năm 1982. *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện , bản tự khai và tại Toà án hôm nay, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Đinh Văn L kết hôn vào ngày 09/9/2011 trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn Sau kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn khác đến tháng 9/2012, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã D, huyện G, thành phố Hà nội ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn L.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 23/4/2012. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị xác định đều không có gì nên sau ly hôn chị không đề nghị giải quyết gì.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ, anh Đinh Văn L trình bày:

Về ngày tháng kết hôn, các thủ tục đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời điểm ly thân như anh chị H trình bày là hoàn toàn đúng. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa chị H xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí nhất trí ly hôn.

Về con chung: Như chị H trình bày là đúng. Ly hôn, anh nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 23/4/2012. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh cũng xác định không có gì nên sau ly hôn anh cũng không đề nghị tòa án giải quyết gì.

Do công việc thường xuyên anh phải đi làm ăn xa không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn anh được nên anh xin được vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ - Đại diện UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cho biết: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đinh Văn L đăng ký kết hôn ngày 09/9/2011 tại UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H anh L về chung sống tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên khoảng tháng 9/2012, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã D, huyện G, thành phố Hà Nội còn anh L vẫn ở tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh L, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án nhân dân thị xã P giải quyết cho chị H được ly hôn anh L để đảm bảo cuộc song cho cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng chị H anh L có 01 con chung là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 23/4/2012. Hiện nay, cháu A đang sống cùng chị H. Nếu chị H xin ly hôn anh L, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án nhân dân thị xã P giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu A còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đinh Văn L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 23/4/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động tự túc. Anh Đinh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đều không có nên đề nghị Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đinh Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Đinh Văn L có nơi cư trú tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh L không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn anh. Anh L chỉ trình bày lời khai tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án và xin được vắng mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải, cũng như đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đinh Văn L đăng ký kết hôn ngày 09/9/2011 tại UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2012 thì phát sinh mâu thuẫn do đó chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã D, huyện G, thành phố Hà Nội còn anh L vẫn ở tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xét thấy chị H và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân được thời gian dài, không ai quan tâm đến ai, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần giải quyết

cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đinh Văn L là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H anh L có 01 con chung cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 23/4/2012. Ly hôn, chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kiều A và không yêu cầu anh Đinh Văn L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Anh đang còn nhỏ, cần sự nuôi dưỡng chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, quan điểm của anh L cũng nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng hơn nữa nguyện vọng cháu A xin ở với mẹ. Tại biên bản xác minh lấy ý kiến địa phương cũng đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Kiều A cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy việc giao cháu Nguyễn Kiều A, cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động tự túc là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Đinh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H và anh L đề xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết gì nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của kiểm sát viên VKSND thị xã P phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Xử: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đinh Văn L.

2. Về con chung:

Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 23/4/2012 kể từ tháng 8/2019 đến khi cháu A thành niên, có khả năng lao động tự túc. Anh Đinh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Anh L và chị H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung Về công nợ: và công sức đóng góp:

Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002289 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự (Chị H) có mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự (Anh L) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã, tỉnh;
-Đương sự;
-Chi cục THADS thị xã;
-UBND xã D - G - Hà Nội;
-Lưu HS (2bản);
-Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Trần Hưng Thủy